

Số: 3269 /QĐ-UBND

Tiền Giang, ngày 26 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt và công bố Danh mục dòng chảy tối thiểu trên sông thuộc địa bàn tỉnh Tiền Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2023 của
Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 64/2017/TT-BTNMT ngày 22 tháng 12 năm 2017 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và môi trường quy định về xác định dòng chảy tối
thiểu trên sông, suối và hạ lưu các hồ chứa, đập dâng;

Căn cứ Quyết định số 341/QĐ-BTNMT ngày 23 tháng 3 năm 2012 của Bộ
trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành Danh mục lưu vực sông
nội tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số
5786/TTr-STNMT ngày 25 tháng 12 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Danh mục dòng chảy tối thiểu trên sông thuộc địa bàn
tỉnh Tiền Giang (chi tiết tại phụ lục đính kèm).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương thực hiện công tác quản
lý, phổ biến và sử dụng kết quả phục vụ cho công tác quy hoạch, quản lý, khai
thác nước mặt hợp lý.

- Định kỳ rà soát, cập nhật, tổng hợp và trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết
định việc điều chỉnh Danh mục dòng chảy tối thiểu trên sông, kênh, rạch cho
phù hợp với tình hình thực tế và đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh:

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường đề đăng tải Quyết định phê duyệt và công bố Danh mục dòng chảy tối thiểu trên sông thuộc địa bàn tỉnh Tiền Giang lên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định của Thông tư số 64/2017/TT-BTNMT ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *Như*

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND cấp huyện;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, Lam.

2 15

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN *moan*
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Văn Trọng



PHỤ LỤC

Danh mục dòng chảy tối thiểu trên sông thuộc địa bàn tỉnh Tiền Giang

(Kèm theo Quyết định số 3269/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang)

STT	Tên sông, kênh, rạch	Phạm vi hành chính	Vị trí duy trì dòng chảy tối thiểu		Giá trị dòng chảy tối thiểu (m ³ /s)
			Vị trí trên sông	Tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiều 6 ⁰	
1	Sông Cái Lân	Xã Tân Hưng, Tân Thanh (huyện Cái Bè)	Trước nhập lưu với sông Tiền	1141434; 508062	1,08
2	Sông Cái Cối	Xã Tân Thanh, An Hữu, An Thái Đông, Mỹ Lương, Hòa Khánh, Mỹ Đức Tây, Mỹ Đức Đông (huyện Cái Bè)	Trước nhập lưu với sông Tiền	1140206; 523523	13,7
3	Sông Cỏ Cò	Xã Mỹ Lợi B, Mỹ Lợi A, An Thái Đông (huyện Cái Bè)	Trước nhập lưu với sông Cái Cối	1142817; 518240	4,63
4	Sông Mỹ Đức Tây	Xã Mỹ Đức Tây, Mỹ Lợi A, Mỹ Lợi B (ranh giới Mỹ Tân, Mỹ Trung), Mỹ Lương, Mỹ Đức Đông (huyện Cái Bè)	Trước nhập lưu với sông Cái Cối	1143217; 522135	4,16
5	Rạch Hòa Khánh	Xã Hậu Mỹ Trinh, Hậu Mỹ Phú, Hậu Thành, Hòa Khánh (huyện Cái Bè)	Trước nhập lưu với sông Tiền	1142055; 527511	2,91
6	Kênh 28	Xã Mỹ Trung, Thiện Trung, Hòa Khánh, Hậu Thành (huyện Cái Bè)	Trước nhập lưu với rạch Hòa Khánh	1147116; 527174	13,5
7	Sông Cái Bè	Thị trấn Bình Phú, Phú An (Huyện Cai Lậy) Thị trấn Cái Bè, xã Đông Hòa Hiệp (huyện Cái Bè)	Trước nhập lưu với Sông Tiền	1142353; 530989	18,4
8	Sông Năm Thôn	Xã Hội Xuân, Long Trung, Tam Bình, Ngũ Hiệp, Tân Phong (huyện Cai Lậy)	Trước nhập lưu với sông Sông Tiền	1141049; 549011	19,1
9	Sông Ba Rài	Xã Tân Bình, Cẩm Sơn, Hội Xuân (huyện Cai Lậy), xã Thanh Hòa, Phường 1,2,3,4,5 (Thị xã Cai Lậy)	Trước nhập lưu với sông Tiền	1141145; 534680	17,6
10	Rạch Bà Tồn	Thị trấn Bình Phú, Xã Phú An, Xã Mỹ Thành Nam, Phú Nhuận (huyện Cai Lậy)	Trước nhập lưu với Sông Cái Bè	1149877; 533309	2,98
11	Rạch Gầm	Xã Mỹ Long, Long Trung, Long Tiên (huyện Cai	Trước nhập lưu với	1141886; 554116	1,42



STT	Tên sông, kênh, rạch	Phạm vi hành chính	Vị trí duy trì dòng chảy tối thiểu		Giá trị dòng chảy tối thiểu (m ³ /s)
			Vị trí trên sông	Tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiều 6 ⁰	
		Lậy), xã Bàn Long, Vĩnh Kim, Kim Sơn (huyện Châu Thành)	sông Tiền		
12	Kênh Nguyễn Tấn Thành	TT Mỹ Phước, Phước Lập (huyện Tân Phước), xã Long Định, Đông Hòa, Long Hưng, Song Thuận, Bình Đức (huyện Châu Thành)	Trước nhập lưu với sông Tiền	1143017; 558551	10,4
13	Sông Kỳ Hôn	Xã Đồng Sơn (Huyện Gò Công Tây), TT Chợ Gạo, xã Hòa Định, Long Bình Điền, Xuân Đông, Song Bình, Bình Phan, Tân Thuận Bình, Quơn Long, Bình Phục Nhứt (huyện Chợ Gạo)	Trước nhập lưu với sông Tiền	1143576; 571326	125
14	Sông Cửa Tiểu	Xã Bình Ninh (huyện Chợ Gạo), xã Vĩnh Hựu, Long Vĩnh, Long Bình, Bình Tân (huyện Gò Công Tây), xã Phước Trung, Tăng Hòa, Tân Thành (huyện Gò Công Đông), xã Phú Tân, Phú Đông, Phú Thạnh, Tân Phú, Tân Thới (Huyện Tân Phú Đông)	Trước nhập lưu với Biển Đông	1134530; 610459	474
15	Rạch Vàm Giồng	Xã Bình Ninh (huyện Chợ Gạo), Xã Yên Luông, Thạnh Trị, Vĩnh Bình, Vĩnh Hựu (huyện Gò Công Tây), Xã Long Chánh (Thị xã Gò Công)	Trước nhập lưu với sông Cửa Tiểu	1139133; 586948	14,6
16	Rạch Gò Công	Tân Trung, Bình Xuân, Bình Đông, Long Chánh (Thị xã Gò Công), Bình Phú (Huyện Gò Công Tây)	Trước nhập lưu với sông Vàm Cỏ	1152988; 591674	14,0
17	Rạch Gò Xoài	Xã Tân Trung, xã Bình Đông (Thị xã Gò Công)	Trước nhập lưu với sông Vàm Cỏ	1155322; 597142	3,22
18	Sông Long Ung	Xã Tân Hòa, Phước Trung (huyện Gò Công Đông), Xã Long Hòa, Xã Long Thuận, Xã Bình Nghị, Phường 1,2, 5 (thị xã Gò Công)	Trước nhập lưu với sông Cửa Tiểu	1138848; 603610	18,4

